TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2022/DS-PT
Ngày: 28-12-2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh

Các Thẩm phán: - Ông Lê Hồng S.

- Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Châu Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 252/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện CT. bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 247/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị H., sinh năm 1958 và ông Lê Triệu D., sinh năm 1955;

Cùng nơi cư trú: Tổ 06, ấp TN. xã BT, huyện CT., tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bà Đinh Thị H. và ông Lê Triệu D. là bà Bùi Trần Phú Th., sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp ML., thị trấn PM., huyện PT., tỉnh An Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đinh Thanh S., sinh năm 1971 và bà Phan Thu T., sinh năm 1971;

Cùng nơi cư trú: Tổ 31, ấp PH., xã BH., CT., An Giang. (Có mặt).

Người kháng cáo: bị đơn Đinh Thanh S. và Phan Thu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Vào tháng 4 năm 2015, bà H. có cho vợ chồng ông Đinh Thanh S. và Phan Thu T. mượn số tiền 200.000.000 đồng để làm ăn, mua bán. Do bà không có tiền nên bà dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không nhớ số thửa, diện tích 10 công, đất tọa lạc tại xã VB., huyện CT., An Giang do Ủy ban nhân dân huyện CT. cấp cho Đinh Thị H. để thế chấp ngân hàng Sacombank vay số tiền 200.000.000 đồng đưa S. và T. và đóng tiền lãi mỗi tháng 1.800.000 đồng. Việc vay tiền có làm biên nhận, do hai vợ chồng ông S. và bà T. ký xác nhận vào ngày 26/5/2021, thỏa thuận thời hạn trả là 05 năm, nhưng đến nay anh S. chị T. vẫn chưa thanh toán theo thỏa thuận.

Quá trình vay, ông S. có đưa tiền cho bà để đóng lãi hàng tháng, đến ngày 25/9/2020 thì ngưng không đóng nữa nên bà phải lấy tiền mình để đóng lãi thay cho S. và T. tính đến nay bà đã đóng lãi được 32.400.000 đồng cho Ngân hàng. Hiện tại bà vẫn còn nợ Ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng. Do ông S., bà T. không thực hiện đúng thỏa thuận nên bà khởi kiện yêu cầu ông S., bà T. cùng trả cho bà số tiền 200.000.000 đồng và trả lại số tiền lãi mà bà đã đóng thay cho anh S. chị T. từ ngày 25/9/2020 đến nay là 32.400.000 đồng, tổng số tiền bà yêu cầu bị đơn phải trả là 232.400.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bà Đinh Thị H. và ông Lê Triệu D. thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi. Cụ thể: nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn S., T. trả số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi đã đóng lãi Ngân hàng thay cho bị đơn mỗi tháng là 1.800.000 đồng, tính từ ngày viết biên nhận nợ (ngày 26/5/2021) đến ngày Tòa án xét xử.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà không đồng ý do bà không vay vàng của bị đơn.

Bị đơn ông Đinh Thanh S. và bà Phan Thu T. trình bày:

Ông S., bà T. không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do vợ chồng ông bà không vay mượn tiền của nguyên đơn. Biên nhận nợ ngày 26/5/2021 do bà H. viết sẵn, ông S. thừa nhận chỗ chữ ký tên là do ông và vợ là Phan Thu T. trực tiếp ký vào. Khi ký tên vào biên nhận thì ông, bà không đọc nội dung vì nghĩ là người thân trong gia đình, với lại do khi ba của ông mất có để lại 03 cây vàng cho Đinh Thị H., tiền mặt 19.500.000 đồng và 50.000.000 đồng tiền bà H. mua đất của ba, tổng tài sản do ba để lại là 200.000.000 đồng, sau đó bà H. đã đưa lại cho ông để nuôi mẹ ruột, hiện nay mẹ ông còn sống nhưng không còn minh mẫn. Tuy không có ai chứng kiến việc bà H. đưa tiền cho anh 200.000.000đồng để nuôi mẹ, nhưng ông, bà khẳng định số tiền mà bà H. đưa là tiền nuôi mẹ già, không phải tiền vay mượn như nguyên đơn trình bày nên không đồng ý trả nợ cho nguyên đơn.

Bị đơn có đơn phản tố ngày 20/02/2021 đối với nguyên đơn yêu cầu bà H. trả lại cho ông số vàng 1,65 lượng 24k loại 9999. Do bà H. mượn của vợ chồng ông đã từ lâu nên không nhớ rõ thời gian. Việc vay vàng không ai chứng kiến nhưng có làm biên nhận do chính bà H. viết và ký tên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện CT. đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92; Điều 147, Điều 179, Điều 229, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466 và Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 12, Khoản 2, khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị H. và ông Lê Triệu D..

Buộc anh Đinh Thanh S. và chị Phan Thu T. (do bà Đinh Thị Ng. làm đại diện) phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đinh Thị H. và ông Lê Triệu D. số tiền là 227.900.000 đồng *(Hai trăm hai mươi bảy triệu, chín trăm ngàn đồng).*Trong đó bao gồm tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 27.900.000 đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh Đinh Thanh S. và chị Phan Thu T. về việc yêu cầu bà Đinh Thị H. phải trả lại số vàng 1,65 lượng 24k loại 9999.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc anh Đinh Thanh S. và chị Phan Thu T. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 11.395.000 đồng *(Mười một triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn đồng)*.

- Buộc anh Đinh Thanh S. và chị Phan Thu T. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 4.116.000 đồng *(Bốn triệu một trăm mười sáu ngàn đồng),* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.145.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002834 ngày 13/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT., tỉnh An Giang. Anh S., chị T. phải tiếp tục nộp số tiền 1.971.000 đồng *(Một triệu chín trăm bảy mươi mốt ngàn đồng).*

Ngày 05/10/2022, ông Đinh Thanh S. và bà Phan Thu T. kháng cáo đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ông, bà không vay tiền của nguyên đơn mà tiền này là của cha ông để lại dùng nuôi mẹ ông.

Tại phiên tòa người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Đảm

bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa; phạm vi xét xử phúc thẩm và thủ tục phiên tòa. Đương sự tại phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70,71,72,86,234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Cấp sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S., bà T. không cũng cấp chứng cứ mới nên không có cơ sở xem xét kháng cáo của ông bà.

Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Thanh S., bà Phan Thu T.. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện CT..

Sau khi nhiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe lời phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Về thẩm quyền xét xử như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Giữa các đương sự đều thống nhất việc bị đơn Đinh Thanh S., Phan Thu T. có nhận số tiền 200.000.000đồng của nguyên đơn Đinh Thị H.. Nay bà H. cùng chồng là ông D. khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền 200.000.000đồng và tiền lãi phát sinh vì cho rằng nguồn gốc số tiền này do bà thế chấp quyền sử dụng đất vay tiền Ngân hàng Sacombank đưa cho bị đơn vào năm 2015 với thỏa thuận bị đơn phải đóng lãi hàng tháng là 1.800.000đồng cho Ngân hàng và bị đơn đóng lãi đến 25/9/2020 thì ngưng nên ngày 26/5/2021 bà có yêu cầu vợ chồng bị đơn phải làm biên nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn cho rằng đây là số tiền của cha bị đơn (cũng là cha ruột của nguyên đơn) chết để lại mà nguyên đơn giao cho bị đơn dùng vào việc nuôi mẹ.

HĐXX phúc thẩm xét thấy, nguyên đơn trình bày đây là số tiền cho bị đơn vay là có căn cứ, bởi lẽ: Bị đơn khai rằng nhận số tiền 200.000.000đồng của nguyên đơn đưa để nuôi mẹ ruột theo ý nguyện của cha bị đơn nhưng không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình; đồng thời tại chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là Biên nhận ngày 26/5/2021 được bị đơn thừa nhận có ký vào có nội dung phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Mặt khác, mặc dù bị đơn có cung cấp các nhân chứng Đinh Văn K., Đinh Thị H1., Đinh Thanh H2., Đinh Thị Th1, Đinh Văn Đ., Đinh Thị H3., Đinh Thị Ng. và Đinh Thị Diễm Th2. (ở giai đoạn sơ thẩm) và lời trình bày bằng văn bản của Nguyễn Thị Dạ Th2. và Lê Phước D1. (kèm theo đơn kháng cáo) để chứng minh số tiền bà H.

đưa cho bị đơn là tiền nuôi mẹ, tuy nhiên tất cả những người này có lời khai đều xác nhận trước khi ba ruột chết có để lại tài sản gồm 30 chỉ vàng 24k và 19.500.000 đồng, ba ruột có dặn sử dụng số tài sản trên để nuôi mẹ ruột nhưng không ai chứng kiến hoặc biết được số tiền, vàng này bà H. giao lại cho vợ chồng ông S. để nuôi mẹ như ông S. trình bày.

Ngoài ra tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cũng xác định đã gửi đơn tranh chấp chia di sản thừa kế số tiền, vàng nêu trên tại cơ quan có thẩm quyền đã chứng minh cho việc số tiền vàng mà ông cho rằng cha sau khi chết để lại (như ông đã trình bày) không phải hiện tại ông đang giữ.

Do đó Bản án sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Ông Đinh Thanh S. cùng vợ bà Phan Thị T. kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Nhận định của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

+ Khoản 1 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Phúc xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đinh Thanh S. và bà Phan Thu T..

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS -ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện CT..

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị H. và ông Lê Triệu D..

Buộc ông Đinh Thanh S. và bà Phan Thu T. có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đinh Thị H. và ông Lê Triệu D. số tiền là 227.900.000 đồng *(Hai trăm hai mươi bảy triệu, chín trăm ngàn đồng)*. Trong đó bao gồm tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 27.900.000 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các

khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Đinh Thanh S. và bà Phan Thu T. mỗi người phải chịu án phí phúc thẩm dân sự 300.000đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0003785 và 0003787 cùng ngày 05/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT..

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng **Lê Hồng S.** **Hoàng Ngọc Linh**